PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
PHILLYCLAD 8 HARDENER

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm PHILLYCLAD 8 HARDENER

Số hiệu sản phẩm Y0018

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44 (0) 1235 239670

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1A - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính sinh sản loại 2 - H361 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Thành phần nhãn

Hình đồ

Từ cảnh báo Nguy hiểm

PHILLYCLAD 8 HARDENER

Câu cảnh báo nguy cơ

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H361 Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Câu phòng ngừa

P260 Không được hít hơi/bụi nước.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.
P301+P310 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ ngay lập tức.
P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước.
P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

Bao gồm DIETHYLENETRIAMINE, TRIETHYLENETETRAMINE, 4,4'-ISOPROPYLIDENEDIPHENOL

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

TRIETHYLENETETRAMINE **30-60%**

Số CAS: 112-24-3

Phân loại
Độc tính cấp tính loại 4 - H312
Ăn mòn da loại 1B - H314
Tổn thương mắt loại 1 - H318
Mẫn cảm da loại 1 - H317
Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

DIETHYLENETRIAMINE **30-60%**

Số CAS: 111-40-0

Phân loại
Độc tính cấp tính loại 4 - H302
Độc tính cấp tính loại 4 - H312
Ăn mòn da loại 1B - H314
Tổn thương mắt loại 1 - H318
Mẫn cảm da loại 1 - H317

PHILLYCLAD 8 HARDENER

4,4'-ISOPROPYLIDENEDIPHENOL	**10-30%**
Số CAS: 80-05-7	

Phân loại
Tổn thương mắt loại 1 - H318
Mẫn cảm da loại 1 - H317
Độc tính sinh sản loại 2 - H361f
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).

Sự hít phải Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

Sự ăn phải Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

Tiếp xúc với da Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Tiếp xúc với mắt Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tủy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp Dập lửa với các phương tiện sau: Bọt chống cồn. Cacbon dioxit (CO_2). Hóa chất khô.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể In case of fire, toxic and corrosive gases may be formed.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

PHILLYCLAD 8 HARDENER

Những cảnh báo cho cá nhân Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp nếu hệ thống thông gió kém.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Sử dụng và mở thùng chứa một cách cẩn thận. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Các sản phẩm của quá trình phân hủy nhiệt hoặc đốt có thể bao gồm các chất sau: Khí và hơi độc hại và gây ăn mòn. Tránh hít phải hơi/bụi nước và tiếp xúc với da và mắt. Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại nghiêm trọng mắt và tế bào. Do not eat, drink or smoke when using the product. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

PHILLYCLAD 8 HARDENER

Bảo hộ tay	Use protective gloves. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Neopren. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.
Bảo hộ khác cho da và cơ thể	Mặc bộ bảo hộ hóa chất.
Các biện pháp về vệ sinh	Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.
Bảo hộ cho hô hấp	Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Đen.
Mùi đặc trưng	Mùi amoniac.
Độ pH	pH (dung dịch pha loãng): 11.1 5% soln
Điểm nóng chảy	N/D°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>232.22°C @
Điểm chớp cháy	>93.3°C
Tỷ lệ hóa hơi	<<1 (BuAc=1)
Áp suất hơi	<0.05mmHg @ °C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	1.06 @ °C
Tính tan	Tan trong nước.
Tính dễ bay hơi	<25 g/L

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Chất oxy hóa mạnh. Axit. Nitrat vô cơ. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.

PHILLYCLAD 8 HARDENER

Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Axit. Nitrat vô cơ. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ. Peroxit vô cơ.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin. Andehyt. Axit nitric (HNO3).

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg)	500,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg)	1.100,0

Thông tin chung	Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại nghiêm trọng mắt và tế bào. Possible risk of impaired fertility.
Sự hít phải	Gây kích ứng hệ hô hấp.
Sự ăn phải	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải. Gây ăn mòn. Một lượng nhỏ có thể gây hủy hoại nghiêm trọng.
Tiếp xúc với da	Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại tế bào nghiêm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Sản phẩm này ăn mòn mạnh. Gây bỏng trầm trọng. Sơ cứu trực tiếp là cấp thiết.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	Possible risk of impaired fertility.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Avoid release to the environment. Gây hại cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính cấp tính- cá	LC_{50}, 96 hours: 332mg/L (Pimephales promelas) mg/l, Cá
Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh	EC_{50}, 48 hours: 17mg/l (Daphina magna) mg/l, Daphnia magna

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

PHILLYCLAD 8 HARDENER

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	3267
Số UN (IMDG)	3267
Số UN (ICAO)	3267

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S.
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S.
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	CORROSIVE LIQUID, BASIC, ORGANIC, N.O.S.

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	8
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	8
Nhóm IMDG	8
Nhóm/ mục ICAO	8

Nhãn vận chuyển

Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt	II
Nhóm đóng gói IMDG	II
Nhóm đóng gói ICAO	II

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS	F-A, S-B
Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt)	80
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC	Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHILLYCLAD 8 HARDENER

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi	06/04/2018
Sửa đổi	8
Ngày thay thế	06/05/2016
Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ	H302 Gây hại nếu nuốt phải. H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da. H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. H335 Có thể gây kích ứng hô hấp. H361 Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh. H361f Nghi ngờ gây hại đến khả năng sinh sản. H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. gười sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.